SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
ĐẾN Số: 23795
Ngày: 24/4/2026
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

CÔNG TY TNHH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
TÂM BÌNH AN PHÚ HỮU

Số: 04/2026/CV-TBAPH
V/v kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 24 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: **SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI**

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Phòng khám đa khoa Tâm Bình An Phú Hữu gửi Bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 24/04/2026

Phòng khám đa khoa Tâm Bình An Phú Hữu xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 3802669788 CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TÂM BÌNH AN PHÚ HỮU TỈNH ĐỒNG NAI

NGUYỄN THÀNH HIỆP

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT./.

- Họ và tên người nộp văn bản: NGUYỄN THỊ THƠM
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: 3009, ấp Câu Kê, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Số điện thoại liên lạc: 0983.019.283
- Email: tambinhanphuhuu.kt@gmail.com
- Số fax: .....

CÔNG TY TNHH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
TÂM BÌNH AN PHÚ HỮU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đồng Nai, ngày 24 tháng 04 năm 2026

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 04/2026/CV-TBAPH ngày 24 tháng 04 năm 2026 của Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Tâm Bình An Phú Hữu về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu)

1. Mức giá kê khai bán trong nước:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
2	CA 125 (K buồng trứng)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		230,000	24/04/2026			
3	CA 15.3 (K vú)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		230,000	24/04/2026			
4	CA 19.9 (K tụy, ống mật ...)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		220,000	24/04/2026			
5	CA 72-4 (K dạ dày)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		230,000	24/04/2026			
6	Cacitonin (K tuyến giáp)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		280,000	24/04/2026			
7	Cầm máu mũi bằng Meroxeo (1 bên)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
8	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		600,000	24/04/2026			
9	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		600,000	24/04/2026			
10	Cấp cứu nội thần kinh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000	24/04/2026			
11	Cấp cứu Sốt cao co giật	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
12	Cấp cứu tai nạn giao thông	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000	24/04/2026			
13	Cấp cứu tim mạch	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000	24/04/2026			
14	Cắt bỏ u phần mềm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		500,000	24/04/2026			
15	Cắt bột	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		155,000	24/04/2026			
16	Cắt chỉ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		30,000	24/04/2026			
17	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		180,000	24/04/2026			
18	Cắt chỉ thẩm mỹ mũi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
19	Cắt chỉ vết thương	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000	24/04/2026			
20	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dưới 20% diện tích cơ thể	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		550,000	24/04/2026			
21	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên 20% diện tích cơ thể	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		700,000	24/04/2026			
22	Cắt mụn cóc	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
23	Cắt u nang bao hoạt dịch	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		500,000	24/04/2026			
24	Cắt u phần mềm đơn thuần	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		500,000	24/04/2026			
25	Cắt và bóc tách khối u mỡ dưới 2cm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000	24/04/2026			
26	Cắt và bóc tách khối u mỡ trên 2cm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000	24/04/2026			
27	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ, âm đạo, tầng sinh môn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		900,000	24/04/2026			
28	Cấy phân tìm ký sinh trùng đường ruột, bệnh thương hàn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		242,000	24/04/2026			
29	CEA (K cổ tử cung, đại tràng, trực tràng)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		210,000	24/04/2026			
30	Chăm sóc da cho bn steven jonhson	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
31	Chăm sóc lỗ mở khí quản	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
32	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
33	Chích áp xe phần mềm lớn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		280,000	24/04/2026			
34	Chích áp xe quanh Amidan	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		350,000	24/04/2026			
35	Chích áp xe tầng sinh môn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		1,135,000	24/04/2026			
36	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		380,000	24/04/2026			
37	Chích áp xe tuyến Bartholin	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		1,238,000	24/04/2026			
38	Chích áp xe vú	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		380,000	24/04/2026			
39	Chích chắp / lẹo	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		200,000	24/04/2026			
40	Chích hạch viêm mủ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
41	Chích lẽ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		90,000	24/04/2026			

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
42	Chích nhọt ống tai ngoài	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
43	Chích rạch áp xe lớn 1	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
44	Chích rạch áp xe lớn 2	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
45	Chích rạch áp xe nhỏ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
46	Chích rạch áp xe nhỏ 1	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000	24/04/2026			
47	Chích rạch áp xe nhỏ 2	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000	24/04/2026			
48	Chích rạch nhọt, áp se nhỏ dẫn lưu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
49	Chích rạch vành tai	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
50	Chlamydia Ab miễn dịch tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		254,000	24/04/2026			
51	Chọc hút dịch vành tai	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000	24/04/2026			
52	Chụp Xquang Blondeau [Blondeau + Hirtz số hóa 2 phim]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
53	Chụp Xquang Blondeau [Blondeau + Hirtz]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
54	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
55	Chụp Xquang Chausse III	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
56	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
57	Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
58	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		170,000	24/04/2026			
59	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
60	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
61	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
62	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
63	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
64	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
65	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
66	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
67	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
68	Chụp Xquang đường dò	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		580,000	24/04/2026			
69	Chụp Xquang đường mật qua Kehr	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		360,000	24/04/2026			
70	Chụp Xquang hàm chếch một bên	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
71	Chụp Xquang Hirtz	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
72	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
73	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		170,000	24/04/2026			
74	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [chân phải]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
75	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [chân trái]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
76	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
77	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
78	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
79	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
81	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
82	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
83	Chụp Xquang khớp vai thẳng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
84	Chụp Xquang khung chậu thẳng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
85	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
86	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
87	Chụp Xquang mỏm trâm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
88	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
89	Chụp Xquang ngực thẳng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
90	Chụp Xquang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
91	Chụp Xquang sọ thẳng/nghiêng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
92	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
93	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [tay phải]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
94	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [tay trái]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
95	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [chân phải]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
96	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [chân trái]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
97	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
98	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng [chân phải]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
99	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng [chân trái]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
100	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng [tay phải]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
101	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng [tay trái]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
102	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng [tay phải]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng [tay trái]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
104	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
105	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [chân phải]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
106	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [chân trái]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [tay phải]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
108	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [tay trái]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
109	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
110	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng [đùi phải]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng [đùi trái]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
112	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 2 phim] [chân phải]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
113	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 2 phim] [chân trái]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
114	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
115	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch bán tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		418,000	24/04/2026			
116	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		29,000	24/04/2026			
117	Cố định khớp vai	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
118	Cố định lồng ngực bằng băng keo thun co dãn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		200,000	24/04/2026			
119	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
120	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn Băng cố định xương sườn (Ugro) TT	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
121	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		540,000	24/04/2026			
122	Cortisol máu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		210,000	24/04/2026			
123	C-Peptid	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		280,000	24/04/2026			
124	CRP định lượng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		130,000	24/04/2026			
125	Cyfra 21-1(K phổi tế bào không nhỏ)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		220,000	24/04/2026			
126	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) Ab miễn dịch bán tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		418,000	24/04/2026			
127	Đai Deautl linh hiếu T - P	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000	24/04/2026			
128	Đai xương đòn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		65,000	24/04/2026			
129	Đặt dụng cụ tử cung	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
130	Đặt nội khí quản	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		700,000	24/04/2026			
131	Đặt nội khí quản cấp cứu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		700,000	24/04/2026			
132	Đặt ống nội khí quản	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		780,000	24/04/2026			
133	Đặt ống thông dạ dày	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000	24/04/2026			
134	Đặt sonde dạ dày	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000	24/04/2026			
135	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		169,000	24/04/2026			
136	Dengue virus NS1Ag test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		186,000	24/04/2026			
137	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		180,000	24/04/2026			
138	Điện di Hb	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		425,000	24/04/2026			
139	Điện giải (Na, K, Cl) (niệu)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		40,000	24/04/2026			
140	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		55,000	24/04/2026			
141	Điện não đồ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000	24/04/2026			
142	Điện tim thường	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		55,000	24/04/2026			
143	Điều trị hạ Kali / Canxi máu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		500,000	24/04/2026			
144	Định lượng Acid Uric [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		33,000	24/04/2026			
145	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		125,000	24/04/2026			
146	Định lượng Albumin [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		42,000	24/04/2026			
147	Định lượng Amylase (dịch)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		30,000	24/04/2026			

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
148	Định lượng Axit Uric (niệu)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		29,000	24/04/2026			
149	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		160,000	24/04/2026			
150	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		33,000	24/04/2026			
151	Định lượng Bilirubin toàn phần [dịch]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		33,000	24/04/2026			
152	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		33,000	24/04/2026			
153	Định lượng C3	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		160,000	24/04/2026			
154	Định lượng C4	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		160,000	24/04/2026			
155	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		200,000	24/04/2026			
156	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		180,000	24/04/2026			
157	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		240,000	24/04/2026			
158	Định lượng CA^{125} (cancer antigen 125) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		180,000	24/04/2026			
159	Định lượng Calci ion hoá [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		30,000	24/04/2026			
160	Định lượng Calci toàn phần [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		25,000	24/04/2026			
161	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000	24/04/2026			
162	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		35,000	24/04/2026			
163	Định lượng Creatinin (máu)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		41,000	24/04/2026			
164	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		75,000	24/04/2026			
165	Định lượng Cyfra 21- 1 [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		130,000	24/04/2026			
166	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		44,000	24/04/2026			
167	Định lượng Ferritin	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		175,000	24/04/2026			
168	Định lượng free bHCG (Free Beta Human Chorionic Gonadotropin) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		248,000	24/04/2026			
169	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		110,000	24/04/2026			
170	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
171	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
172	Định lượng Globulin [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		30,000	24/04/2026			
173	Định lượng Glucose (niệu)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		20,000	24/04/2026			
174	Định lượng Glucose [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		28,000	24/04/2026			
175	Định lượng Glucose máu sau 1h	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		28,000	24/04/2026			
176	Định lượng Glucose máu sau 2h	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		28,000	24/04/2026			
177	Định lượng HbA1c [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000	24/04/2026			
178	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		35,000	24/04/2026			
179	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		35,000	24/04/2026			
180	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		33,000	24/04/2026			
181	Định lượng Sắt/ Fe (HT)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		45,000	24/04/2026			

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
182	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		90,000	24/04/2026			
183	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		90,000	24/04/2026			
184	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		35,000	24/04/2026			
185	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000	24/04/2026			
186	Định lượng Urê máu [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		33,000	24/04/2026			
187	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000	24/04/2026			
188	Định tính Amphetamin (test nhanh) [niệu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
189	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
190	Định tính Dưỡng chấp [niệu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		29,000	24/04/2026			
191	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000	24/04/2026			
192	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
193	Định tính Phospho hữu cơ [niệu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		10,000	24/04/2026			
194	Đo điện não vi tính	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000	24/04/2026			
195	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		33,000	24/04/2026			
196	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		30,000	24/04/2026			
197	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		33,000	24/04/2026			
198	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		40,000	24/04/2026			
199	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		40,000	24/04/2026			
200	Đo hoạt độ Lipase [Máu]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		81,000	24/04/2026			
201	Đo Loãng Xương	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		180,000	24/04/2026			
202	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA [2 vị trí]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		200,000	24/04/2026			
203	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		289,000	24/04/2026			
204	Double test	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		460,000	24/04/2026			
205	Echinococcus granulosus (Sán dây chó) Ab miễn dịch bán tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		418,000	24/04/2026			
206	Entamoeba histolytica (Amip) Ab miễn dịch bán tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		418,000	24/04/2026			
207	Estradiol	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		180,000	24/04/2026			
208	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		254,000	24/04/2026			
209	Giang mai (test)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
210	Giun xoắn (Trichinella spiralis)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000	24/04/2026			
211	Gnathostoma (Giun đầu gai) Ab miễn dịch bán tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		418,000	24/04/2026			
212	H.Pylori - C14 (H.P qua hơi thở)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		430,000	24/04/2026			
213	H.pylori Antibody	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		65,000	24/04/2026			
214	HAV Ab test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		170,000	24/04/2026			
215	HbcAb IgM miễn dịch tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		173,000	24/04/2026			
216	HBcAb test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		85,000	24/04/2026			
217	HbcAb Total miễn dịch tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000	24/04/2026			
218	HbeAb miễn dịch tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		138,000	24/04/2026			
219	HBeAb test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		90,000	24/04/2026			
220	HbeAg (Cobas)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		135,000	24/04/2026			

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
221	HBeAg test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		110,000	24/04/2026			
222	HBsAb miễn dịch bán tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000	24/04/2026			
223	HBsAb test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
224	HBsAg test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
225	HBV - DNA Định lượng (Real Time)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		650,000	24/04/2026			
226	HBV - DNA PCR (Roche TaqMan48)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		2,000,000	24/04/2026			
227	HCG nước tiểu (Test chẩn đoán thai)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		25,000	24/04/2026			
228	HCV - RNA (Roche TaqMan48)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		2,200,000	24/04/2026			
229	HCV - RNA Định lượng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		1,115,000	24/04/2026			
230	HCV Ab miễn dịch tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		185,000	24/04/2026			
231	HCV Ab test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000	24/04/2026			
232	Helicobacter pylori Ag test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		220,000	24/04/2026			
233	HEV Ab test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		213,000	24/04/2026			
234	HEV IgM miễn dịch bán tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		430,000	24/04/2026			
235	HEV IgM test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		170,000	24/04/2026			
236	HEV-IgM (Test nhanh)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000	24/04/2026			
237	HIV Ab test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		75,000	24/04/2026			
238	HIV Ag/Ab test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		140,000	24/04/2026			
239	Hồng cầu trong phân test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000	24/04/2026			
240	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
241	HPV (K tử cung) định genotype	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		650,000	24/04/2026			
242	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
243	Hút dịch khớp cổ chân	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		180,000	24/04/2026			
244	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		200,000	24/04/2026			
245	Hút dịch khớp cổ tay	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		168,000	24/04/2026			
246	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		200,000	24/04/2026			
247	Hút dịch khớp gối	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		169,000	24/04/2026			
248	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		200,000	24/04/2026			
249	Hút dịch khớp háng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
250	Hút dịch khớp khuỷu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		180,000	24/04/2026			
251	Hút dịch khớp vai	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
252	Hút dịch lòng tử cung	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		220,000	24/04/2026			
253	Khám Ngoại	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
254	Khám Nhi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
255	Khám Nội	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
256	Khám Phụ sản	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
257	Khám Tai mũi họng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
258	Kháng thể kháng nhân ANA	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000	24/04/2026			
259	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		460,000	24/04/2026			
260	Khâu vết thương lớn 1	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
261	Khâu vết thương lớn 2	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		350,000	24/04/2026			
262	Khâu vết thương nhỏ 1	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000	24/04/2026			
263	Khâu vết thương nhỏ 2	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000	24/04/2026			
264	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
265	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
266	Khâu vòng cổ tử cung	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		800,000	24/04/2026			
267	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		40,000	24/04/2026			
268	Khí dung mũi họng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		40,000	24/04/2026			
269	Khí dung thuốc cấp cứu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		45,000	24/04/2026			

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
270	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		45,000	24/04/2026			
271	Khí dung thuốc giãn phế quản	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		45,000	24/04/2026			
272	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		36,000	24/04/2026			
273	Khí dung thuốc thở máy	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		40,000	24/04/2026			
274	Làm Proetz	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000	24/04/2026			
275	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000	24/04/2026			
276	Lấy dị vật bàn tay, chân	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
277	Lấy dị vật họng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
278	Lấy dị vật lớn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
279	Lấy dị vật mũi 1	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000	24/04/2026			
280	Lấy dị vật mũi 2	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000	24/04/2026			
281	Lấy dị vật nhỏ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000	24/04/2026			
282	Lấy dị vật tai	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000	24/04/2026			
283	Lấy dị vật tai ngoài	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
284	Lấy dị vật xương cá	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		110,000	24/04/2026			
285	Lấy dụng cụ tử cung	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		90,000	24/04/2026			
286	Lấy dụng cụ tử cung (khó)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		280,000	24/04/2026			
287	Lấy que tránh thai	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		200,000	24/04/2026			
288	Lấy sạn vôi kết mạc	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000	24/04/2026			
289	Marijuana/cần sa (Test)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000	24/04/2026			
290	MDMA/Lắc (Test)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000	24/04/2026			
291	Methamphetamine (Test)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000	24/04/2026			
292	Microalbumin niệu (MALB)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		70,000	24/04/2026			
293	Mổ mắt cá tay chân	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
294	Monitering cấp cứu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
295	Monitering sản khoa	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
296	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		485,000	24/04/2026			
297	Nắn cố định gãy xương đòn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		500,000	24/04/2026			
298	Nắn sai khớp thái dương hàm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		200,000	24/04/2026			
299	Nắn sai khớp vai, khuỷu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000	24/04/2026			
300	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		700,000	24/04/2026			
301	Nắn, bó bột cột sống	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		800,000	24/04/2026			
302	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		850,000	24/04/2026			
303	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		750,000	24/04/2026			
304	Nắn, bó bột gẫy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		485,000	24/04/2026			
305	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		800,000	24/04/2026			
306	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		850,000	24/04/2026			
307	Nắn, bó bột gẫy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		850,000	24/04/2026			
308	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		850,000	24/04/2026			
309	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		850,000	24/04/2026			
310	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		750,000	24/04/2026			
311	Nắn, bó bột gẫy 1/3 trên thân xương cánh tay	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		850,000	24/04/2026			
312	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		857,000	24/04/2026			
313	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		850,000	24/04/2026			
314	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		812,000	24/04/2026			
315	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		1,000,000	24/04/2026			

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
316	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		812,000	24/04/2026			
317	Nắn, bó bột gãy mâm chày	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		485,000	24/04/2026			
318	Nắn, bó bột gãy Monteggia	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		436,000	24/04/2026			
319	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		857,000	24/04/2026			
320	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		485,000	24/04/2026			
321	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		330,000	24/04/2026			
322	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		750,000	24/04/2026			
323	Nắn, bó bột gãy xương chày	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		330,000	24/04/2026			
324	Nắn, bó bột gãy xương gót	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		210,000	24/04/2026			
325	Nắn, bó bột gẫy xương gót	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		210,000	24/04/2026			
326	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		330,000	24/04/2026			
327	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		800,000	24/04/2026			
328	Nạng gỗ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		70,000	24/04/2026			
329	Nẹp bàn chân	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		135,000	24/04/2026			
330	Nẹp cẳng chân	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000	24/04/2026			
331	Nẹp cẳng tay	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
332	Nẹp cổ tay, ngón tay	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		65,000	24/04/2026			
333	Nẹp gỗ cố định	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000	24/04/2026			
334	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (OGTT)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		110,000	24/04/2026			
335	Nhét bấc mũi sau cầm máu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000	24/04/2026			
336	Nhét bấc mũi trước cầm máu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000	24/04/2026			
337	Nhét meche mũi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
338	Nội soi dạ dày, tá tràng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
339	Nội soi họng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		52,000	24/04/2026			
340	Nội soi HỌNG (người lớn)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
341	Nội soi lấy dị vật	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000	24/04/2026			
342	Nội soi mũi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		52,000	24/04/2026			
343	Nội soi MŨI (người lớn)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
344	Nội soi mũi xoang	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		90,000	24/04/2026			
345	Nội soi tai	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		52,000	24/04/2026			
346	Nội soi TAI (người lớn)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
347	Nội soi tai mũi họng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		160,000	24/04/2026			
348	Nội soi tai mũi họng [Nội soi họng]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000	24/04/2026			
349	Nội soi tai mũi họng [Nội soi mũi]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000	24/04/2026			
350	Nội soi tai mũi họng [Nội soi tai]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000	24/04/2026			
351	Nội soi thanh quản	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
352	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		359,000	24/04/2026			
353	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		359,000	24/04/2026			
354	Nội soi trực tràng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
355	Nội soi trực tràng ống mềm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		400,000	24/04/2026			
356	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		280,000	24/04/2026			
357	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		280,000	24/04/2026			
358	Nội soi xoang - họng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		130,000	24/04/2026			
359	Nong đặt dụng cụ cổ tử cung chống dính	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
360	NT-proBNP	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		650,000	24/04/2026			
361	Nuôi cấy xác định Liên cầu khuẩn Group B (GBS)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		350,000	24/04/2026			
362	Phản ứng Rivalta [dịch]	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		10,000	24/04/2026			
363	Phương pháp Proetz	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		90,000	24/04/2026			

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
364	Prolactin	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		220,000	24/04/2026			
365	PSA (K tiền liệt tuyến)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		210,000	24/04/2026			
366	Que cấy tránh thai	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		2,300,000	24/04/2026			
367	Rạch áp xe nhọt nhỏ dẫn lưu (vú, tầng sinh môn và nơi khác)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		200,000	24/04/2026			
368	RF (định lượng)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		105,000	24/04/2026			
369	Rửa chấm thuốc điều trị viêm loét niêm mạc 1 lần	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		23,000	24/04/2026			
370	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		900,000	24/04/2026			
371	Rửa đa vết thương	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		90,000	24/04/2026			
372	Rửa mắt	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		35,000	24/04/2026			
373	Rửa mũi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		45,000	24/04/2026			
374	Rửa tai	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		45,000	24/04/2026			
375	Rửa vết thương	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		30,000	24/04/2026			
376	Rửa vết thương lớn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		55,000	24/04/2026			
377	Rửa vết thương nhỏ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		30,000	24/04/2026			
378	Rửa xoang	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000	24/04/2026			
379	Rubella IgG	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		180,000	24/04/2026			
380	Rubella IgM	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		180,000	24/04/2026			
381	Rubella IgM/IgG (test nhanh)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		180,000	24/04/2026			
382	Rubella virus Ab test nhanh	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		210,000	24/04/2026			
383	Schistosoma (Sán máng) Ab miễn dịch bán tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		388,000	24/04/2026			
384	sHBG	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		240,000	24/04/2026			
385	Siêu âm 2D + doffle tuyến tiền liệt	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
386	Siêu âm 2D + doffler ruột thừa	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
387	Siêu âm 2D + Siêu âm màu 3-4 chiều (3D-4D)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		345,000	24/04/2026			
388	Siêu âm 3D/4D tim	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		600,000	24/04/2026			
389	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
390	Siêu âm các tuyến nước bọt	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
391	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
392	Siêu âm đầu dò âm đạo	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		110,000	24/04/2026			
393	Siêu âm đo độ mờ da gáy	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		155,000	24/04/2026			
394	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000	24/04/2026			
395	Siêu âm Doppler động mạch thận	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
396	Siêu âm Doppler động mạch tử cung	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
397	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
398	Siêu âm Doppler gan lách	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000	24/04/2026			
399	Siêu âm Doppler hốc mắt	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000	24/04/2026			
400	Siêu âm Doppler mạch máu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
401	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
402	Siêu âm Doppler màu Thai nhi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
403	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000	24/04/2026			
404	Siêu âm Doppler tim	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
405	Siêu âm Doppler tim, van tim	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
406	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
407	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000	24/04/2026			
408	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000	24/04/2026			
409	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000	24/04/2026			
410	Siêu âm Doppler tuyến vú	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000	24/04/2026			
411	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000	24/04/2026			
412	Siêu âm dương vật	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
413	Siêu âm hạch vùng cổ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
414	Siêu âm hệ thận bàng quang màu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
415	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
416	Siêu âm hốc mắt	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
417	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
418	Siêu âm màng phổi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
419	Siêu âm màng phổi cấp cứu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
420	Siêu âm màu hệ gan mật	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
421	Siêu âm màu thai nhi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
422	Siêu âm nhãn cầu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
423	Siêu âm nội soi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		1,500,000	24/04/2026			
424	Siêu âm ổ bụng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
425	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
426	Siêu âm ổ bụng 2D	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
427	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
428	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
429	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
430	Siêu âm Phụ Khoa 2D	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000	24/04/2026			
431	Siêu âm Sản Khoa 2D	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
432	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
433	Siêu âm thai 4D	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		130,000	24/04/2026			
434	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000	24/04/2026			
435	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000				
436	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000				
437	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000				
438	Siêu âm tinh hoàn hai bên	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000				
439	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		250,000				
440	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000				
441	Siêu âm tử cung phần phụ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000				
442	Siêu âm tuyến giáp	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000				
443	Siêu âm tuyến vú hai bên	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000				
444	Sơ cứu 2 vết thương	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000				
445	Sơ cứu đa vết thương	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		90,000				
446	Sơ cứu vết thương nhỏ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		30,000				
447	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		1,300,000				
448	Soi cổ tử cung	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000				
449	Soi nhuộm dịch niệu đạo	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		75,000				
450	Soi nhuộm huyết trắng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		75,000				
451	Soi ối	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
452	Soi tươi huyết trắng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		75,000				
453	Soi tươi phân (XN phân trực tiếp)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		40,000				
454	Soi tươi tìm ký sinh trùng(đường ruột, ngoài đường ruột)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		40,000				
455	Streptococcus pyogenes ASO	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000				
456	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		400,000				
457	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000				
458	TẾ BÀO ÂM ĐẠO CELL PREP	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		580,000				
459	Tế bào Pap'mear (Dịch phếch âm đạo)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		180,000				
460	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		700,000				
461	Test Lao Phổi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000				
462	Test lẩy da (Prick test) với các loại thuốc	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		500,000				
463	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000				
464	Test nước ối (Quỳ tím)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		40,000				
465	Testosterone	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		180,000				
466	TG (Thyroglobulin)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		330,000				
467	Thăm dò chức năng hô hấp	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		180,000				
468	Tháo bột cột sống thắt lưng, khớp,xương đùi, xương chậu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000				
469	Tháo bột khác	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		30,000				
470	Thay băng vết mổ 30 -> 50cm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000				
471	Thay băng vết mổ 15 -> 30cm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		70,000				
472	Thay băng , cắt chỉ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000				
473	Thay băng bỏng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		200,000				
474	Thay băng bỏng (1 Lần)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000				
475	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		193,000				
476	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		342,000				
477	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		757,000				
478	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		596,000				
479	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		550,000				
480	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở người lớn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		804,000				
481	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở trẻ em	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		750,000				
482	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		360,000				
483	Thay băng vết thương chiều dài <15 cm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000				
484	Thay băng vô khuẩn	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		35,000				
485	Thở oxy	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000				
486	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		20,000				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
487	Thời gian máu đông	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		20,000				
488	Thời gian Prothrombin (TQ)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000				
489	Thông bàng quang	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		132,000				
490	Thông tiểu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000				
491	Thủ thuật chích áp xe vú	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000				
492	Thủ thuật chọc dò khớp gối	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000				
493	Thủ thuật hút đờm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000				
494	Thủ thuật tạo mỏm cụt	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		500,000				
495	Thụt tháo	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000				
496	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		120,000				
497	Thụt tháo phân	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000				
498	Tiêm dưới da	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		20,000				
499	Tiêm khớp bàn ngón tay	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		136,000				
500	Tiêm khớp gối	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		136,000				
501	Tìm giun chỉ trong máu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		50,000				
502	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		52,000				
503	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		35,000				
504	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		80,000				
505	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch bán tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		418,000				
506	Transferrin	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		180,000				
507	Triple test	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		430,000				
508	Trứng giun, sán soi tươi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		60,000				
509	Truyền tĩnh mạch	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		33,000				
510	TSH Receptor (TRAb)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		630,000				
511	TSI (Thyroid Stimulating Immunoglobulin)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		770,000				
512	Vi khuẩn nhuộm soi	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		110,000				
513	Xét nghiệm cấy phân	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		150,000				
514	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		20,000				
515	Xét Nghiệm SCC	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		230,000				
516	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp tế bào học chất lỏng(Liquid base cytology- Thinprep)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		605,000				
517	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		400,000				
518	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		485,000				
519	Rửa dạ dày cấp cứu	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		350,000				
520	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		358,000				
521	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		85,000				
522	ACTH (Morning-Roche)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		340,000				
523	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		95,000				
524	Aldosteron	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000				
525	AMH	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		920,000				
526	Angiostrogylus cantonensis (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch bán tự động	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		418,000				
527	Anti CCP	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		360,000				
528	ANTI DS DNA	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		360,000				
529	Anti GAD	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		375,000				
530	Anti HBs (Test nhanh)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000				
531	Anti HBs (Định lượng)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		170,000				
532	Anti –HIV1/2(Test nhanh)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		90,000				
533	Anti Microsomal (TPOAb)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		330,000				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
534	Anti Thyroglobulin(Anti-TG)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		310,000				
535	AntiHbe (Định lượng)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		135,000				
536	Áp lạnh cổ tử cung	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		200,000				
537	APTT(TCK)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		70,000				
538	Ascaris lumbricoides - IgG (Giun đũa)	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000				
539	BÓ BỘT BÀN CHÂN	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		450,000				
540	BÓ BỘT BÀN CHÂN TRẺ EM	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		350,000				
541	BÓ BỘT CẲNG CHÂN	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		550,000				
542	BÓ BỘT CẲNG CHÂN TRẺ EM	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		450,000				
543	BÓ BỘT CẲNG TAY	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		450,000				
544	BÓ BỘT CẲNG TAY TRẺ EM	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		350,000				
545	Bó bột cánh tay	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		450,000				
546	bó bột cánh tay trẻ em	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		350,000				
547	Bóc tách bướu mỡ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		300,000				
548	Bỏng nặng	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		100,000				
549	Bỏng nhẹ	Dịch vụ y tế	Dịch vụ	Bán lẻ		65,000				

2. Mức giá kê khai bán xuất khẩu:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Thị trường xuất khẩu	Đơn vị tính	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú

3. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa lần kê khai giá kỳ này so với kỳ liền kề trước: nêu cụ thể nguyên nhân do biến động của các yếu tố hình thành giá và các nguyên nhân khác tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ.

4. Ghi rõ mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá.